

Bản án số: **63/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 12 tháng 9 năm 2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Ông Nguyễn Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh H- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 441/2022/QĐ-HPT ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Minh T, sinh năm 1999; ĐKKHKT: Khu 6, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Hiện ở: Khu 15 H, xã H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Đào Mạnh H, sinh năm 1993; ĐKKHKT: Khu 6, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Hiện anh H đang ở Đài Loan.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Minh T trình bày: Chị và anh Đào Mạnh H đăng ký kết hôn ngày 06/5/2019 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh H tại khu 6, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Năm ngày sau khi tổ chức lễ cưới thì anh H quay trở lại Đài Loan làm việc và hiện nay vẫn chưa quay trở về Việt Nam. Trước đó anh H đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan vào cuối năm 2017, sau đó có về Việt Nam 15 ngày để tổ chức đám cưới. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đỉnh điểm của mâu thuẫn là giữa năm 2021. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên không có sự quan tâm thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Mạnh H.

Về con chung: Chị Phạm Minh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Đào Hải U, sinh ngày 13/11/2019. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U và không đề nghị anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị T xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Phạm Minh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị T yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Chị T trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ của anh H ở Đài Loan nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh H cho Tòa án được. Chị T đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh H ở Đài Loan thông qua mẹ đẻ của anh H là bà Hoàng Thị K; địa chỉ: Khu 6, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Người thân anh Đào Mạnh H cung cấp thông tin bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh Hnhưng không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở chỗ nào Đài Loan, chỉ biết anh Hđang ở Đài Bắc. Do vậy, Tòa án không thể thực hiện ủy thác tư pháp cho anh Htheo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Minh T. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Minh T ly hôn anh Đào Mạnh H. Về con chung: Giao cháu Đào Hải U, sinh ngày 13/11/2019 cho chị Phạm Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đào Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Phạm Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Phạm Minh T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Mạnh H là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, Chị Ttrình bày hiện anh Hđang sống và làm việc tại Đài Loan. Tại văn bản số 15533/QLXNC-P5 ngày 26/7/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: “Đào Mạnh H, sinh ngày 02/8/1993, đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 26/5/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị Phạm Minh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Chị T đề nghị xin ly hôn với anh H và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh H là ở khu 6, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ mà không cung cấp được địa chỉ anh H ở nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của bị đơn là bà Hoàng Thị K (Là mẹ đẻ của anh Đào Mạnh H) thấy giữa Bà K và anh H vẫn liên lạc với nhau nhưng Bà K không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Bắc – Đài Loan nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng Bà K cũng không cung cấp được địa chỉ anh H nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Phạm Minh T và anh Đào Mạnh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ vào ngày 06/5/2019. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm lạnh nhạt, không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Phạm Minh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Mạnh H.

Anh Đào Mạnh H hiện đang ở nước ngoài, chị Phạm Minh T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh H ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của anh H ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị T, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xác minh địa chỉ của anh H ở nước ngoài thông qua mẹ đẻ của anh H là bà Hoàng Thị K; địa chỉ: Khu 6, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Bà K xác nhận hiện nay bà và anh H thường xuyên liên lạc với nhau, bà chỉ biết hiện nay anh H đang ở Đài Bắc – Đài Loan chứ không biết địa chỉ cụ thể. Do vậy, bà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H cho Tòa án. Bà có thông báo cho anh H biết việc Chị T xin ly hôn anh H và anh H có trình bày với bà là anh cũng xác định vợ chồng không hàn gắn được nữa nên anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Mặc dù anh H không có bản tự khai tại Tòa án nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án cho mẹ đẻ của anh H là bà Hoàng Thị K, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H. Bà K đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và trình bày bà đã thông báo cho anh H, quan điểm của anh H là đồng ý ly hôn với chị T. Qua xác minh tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Minh T và anh Đào Mạnh H ngày 03/8/2022 thể hiện: Chị T và anh H đều có hộ khẩu thường trú tại khu 6, xã X, huyện L và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2019 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh H và Chị T thường xuyên đi làm ăn xa nên anh chị có mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được. Nay Chị T xin ly hôn anh H quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy Chị T và anh H đã không chung sống cùng nhau, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Phạm Minh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Mạnh H là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị Phạm Minh T được chấp nhận.

Về con chung: Từ những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định Chị T và anh H có 01 con chung là Đào Hải U, sinh ngày 13/11/2019. Khi ly hôn Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu U và không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Theo Bà K – Là mẹ đẻ anh Hải, anh H cũng nhất trí để Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu U. Xét thấy cháu U còn nhỏ, anh H không có lời trình bày tại Tòa án vì vậy cần giao cháu U cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng Chị T do Chị T không yêu cầu

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị Phạm Minh T xác định không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Minh T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Phạm Minh T được ly hôn với anh Đào Mạnh H.

2. *Về con chung:* Giao cháu Đào Hải U, sinh ngày 13/11/2019 cho chị Phạm Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đào Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị T do Chị T không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp:* Chị Phạm Minh T xác định không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Phạm Minh T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000223 ngày 08/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã X – H L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Huyền